

## Trần Thái Tông: Vị vua anh hùng cứu nước, một nhà Thiền học uyên thâm

ISSN: 2734-9195 08:05 16/03/2025

Trần Thái Tông đã nêu lên tấm gương nhập thế vì lợi ích của nước của dân và để lại quan điểm Thiền học vừa thâm trầm vừa khoáng đạt cho cháu đích tôn của mình là vua Trần Nhân Tông sau này.

Tác giả: **Đặng Việt Thủy**

*Đường Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội*

Vua Trần Thái Tông húy là Cảnh (trước húy là Bồ), vị vua đầu tiên của nhà Trần, cùng tuổi với Lý Chiêu Hoàng. Ông sinh ngày 16 tháng 6 năm Mậu Dần (1218) niên hiệu Kiến Gia thứ 8 đời Lý Huệ Tông, tại hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường (nay là thôn Tức Mặc, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định). Thân phụ của ông là Trần Thừa (1183-1234), thân mẫu là người họ Lê. Trần Cảnh là cháu gọi Trần Thủ Độ bằng chú. Năm 1224 được tuyển vào cung làm chức Chi hậu chính chi ứng cục (lo việc phục vụ cho công chúa rồi vua triều Lý là Chiêu Hoàng). Tháng 12 năm Ất Dậu (1225), do Trần Thủ Độ bố trí, Trần Cảnh kết hôn với Lý Chiêu Hoàng và sau đó được Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi vào lúc ông mới có 8 tuổi, lấy niên hiệu Trần Thái Tông.

Trần Thủ Độ là người có công khởi dựng sự nghiệp triều Trần. Trần Thủ Độ sinh năm Giáp Dần (1194) ở làng Lưu Xá (Hưng Hà, Thái Bình). Ông đã nổi lên là người có tài xuất chúng trong số những người con ưu tú khác của họ Trần, giúp triều Lý đánh dẹp các thế lực cát cứ, khôi phục cơ nghiệp nhà Lý. Ông có bản lĩnh, thẳng thắn và quyết đoán. Cuối triều Lý, các vua ăn chơi sa đọa, kinh tế suy thoái, thiên tai, mất mùa liên tiếp xảy ra. Nhân cơ hội đó, các thế lực phong kiến nổi lên chống lại triều đình, đánh giết lẫn nhau, cướp bóc bừa bãi. Ngoài biên thù, đế quốc Nguyên Mông đang tung hoành đánh Kim, diệt Tây Hạ, chiếm Triều Tiên, sửa soạn đại binh xâm lược Tống và Đại Việt.

Trong lúc ấy, vua Lý Huệ Tông thì ốm yếu, trể nải việc triều chính, truyền ngôi cho con gái là Lý Chiêu Hoàng mới 8 tuổi rồi đi tu ở chùa Chân Giáo. Bởi vậy, Trần Thủ Độ đã thu xếp cho Lý Chiêu Hoàng truyền ngôi cho Trần Cảnh là hợp

lễ. Làm cuộc đảo chính thay đổi triều đại mà không xảy ra đổ máu và đảo lộn lớn trong nước, chứng tỏ Trần Thủ Độ là nhà chính trị sáng suốt, khôn ngoan.

Sau khi lên làm vua, Trần Thái Tông phong cho Trần Thủ Độ làm Thái sư nắm giữ mọi binh quyền. Trong một thời gian ngắn, Trần Thủ Độ đã thu phục được các thế lực đối địch, tổ chức lại bộ máy từ trung ương đến cấp xã.

Tuy Trần Cảnh lên ngôi, những việc quân sự chủ yếu do Trần Thủ Độ nắm giữ, việc chính trị thì nhờ có cha là Trần Thừa làm Thượng hoàng giúp đỡ, song những người này cũng có nhiều hạn chế. Các quan nhà Lý ở lại phục vụ nhiều, song không thấy nói một ai được chính thức giúp vua làm phụ chính. Vậy mà suốt những năm đầu, ở tuổi thiếu nhi, Trần Thái Tông đã được sử sách ghi chép là một vị vua có tài.

Năm 1227, nhà vua cho mở khoa thi Tam giáo, khuyến khích người học tập Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo nhằm nâng cao trình độ kiến thức và học thuật của dân chúng. Triều đình tiếp tục tổ chức lễ ăn thề hàng năm ở đền Đồng Cổ (phía tây Hà Nội).

Tất cả các quan phải mặc nhung phục xếp thành đội ngũ, có nghi trượng, ra đền họp nhau uống máu ăn thề. Quản Trung thư đọc lời thề: "*Làm tôi tận trung, làm quan trong sạch, ai trái thề này, thần minh giết chết*". Hội thề tiến hành có sự chứng kiến của dân chúng: "*Trai gái bốn phương đứng chật ních bên đường để xem như một ngày hội lớn*". Năm vua 12 tuổi (1230), triều đình được lệnh soạn bộ sách Quốc triều thông chế, khảo xét luật lệ các đời trước, để sửa đổi hình luật, ấn định lễ nghi. Cùng năm này, vua ngự về Tức Mặc thăm hỏi bà con quê hương, ban yến cho các bô lão trong làng. Nhà Trần có nhiều vị vua có tiếng là vì dân, thân dân, mà khởi đầu là vua Trần Thái Tông.

Những quan lại có tài năng ở triều Lý trước đây đều được sử dụng để phục vụ cho vương triều mới, vì lúc này, các nhân vật xuất sắc trong họ Trần còn phải được tôi luyện dần dần cho đến độ trưởng thành. Do vậy, những viên quan như Phùng Tá Chu, Phạm Kính Ân đều được giao trọng trách lớn, phong quan chức rất hậu.

Dần dần, Trần Cảnh đã phát huy ngày càng rõ rệt tài năng xuất chúng của mình. Nhưng trước khi thực sự nắm quyền hành, ông đã phải chịu một nỗi đau khiến ông phải xót xa ân hận mà không tự mình xử trí được, cuối cùng đành phải chiều theo cảnh ngộ. Đó là lúc ông vừa tròn 20 tuổi (1237), Chiêu Thánh Hoàng hậu lấy ông đã được 12 năm mà vẫn chưa có con trong khi triều Trần cần kíp phải có hoàng tử.

Trần Thủ Độ đã nhiều lần nói riêng điều này với Trần Cảnh, nhưng nhà vua không để ý. Vua nghĩ rằng cả hai vợ chồng đang độ son rỗi, việc có con không mấy gấp gáp, vả lại anh em con cháu họ Trần lúc ấy rất đông, khó gì mà không kiếm được người nối nghiệp. Nhưng Trần Thủ Độ lại cho rằng nếu Trần Cảnh không có con chắc chắn bản thân ông sẽ bị người ta dè bủ: chọn một ông vua mở mang cơ nghiệp nhà Trần chấm dứt dòng họ Lý không có con trai, vậy mà đã chọn nhầm một ông vua bất lực! Vì vậy ông nhất quyết buộc Trần Cảnh phải bỏ Chiêu Thánh, giáng xuống làm công chúa. Mặt khác, Thủ Độ nhanh chóng tìm cho Trần Cảnh một hoàng hậu mới. Trong số con cháu, thân thuộc của họ Trần, lúc này có Công chúa Thuận Thiên - chị ruột của Chiêu Thánh hiện là vợ của Trần Liễu (anh trai Trần Cảnh) đang có mang; đưa Thuận Thiên thay vào chỗ Chiêu Thánh là thuận lợi.

Với mưu đồ lớn, Trần Thủ Độ ra lệnh làm ngay. Cùng một lúc, trong hoàng tộc nhà Trần diễn ra cảnh ngộ bất bình, một cuộc khủng hoảng trong nội tộc hết sức gay gắt. Hoàng hậu Chiêu Thánh bị giáng xuống làm công chúa, phải ra khỏi cung, sống âm thầm đau khổ. Còn nàng Thuận Thiên ngỡ ngác vừa hôm qua còn là vợ của người anh, sống bình thường trong phủ đệ, hôm nay bỗng trở thành vợ của người em và là một bà hoàng hậu trong chốn điện ngọc, lầu vàng. Người tức giận hơn cả là Trần Liễu. Bỗng nhiên bị cướp vợ, gia đình đang yên ổn bị phá vỡ, chia rẽ, địa vị xáo trộn. Trần Liễu liền họp quân lính bản bộ của mình, kéo ra bến sông Hồng, dựng cờ nổi loạn. Trần Thủ Độ lập tức đem quân ra đàn áp.

Riêng Trần Cảnh vô cùng đau khổ. Mối tình với Chiêu Hoàng bền vững, sâu sắc từ lâu, nhà vua luôn luôn trân trọng người vợ của mình. Chiêu Thánh đem cả ngôi báu của dòng họ trao cho chồng, hơn nữa ăn ở với chồng rất thuận hòa êm ấm. Mặt khác, tình anh em là trọng, nay lại là một người đi cướp vợ, mà là vợ của anh! Trần Cảnh vô cùng đau xót.



Ảnh minh họa (sưu tầm)

Đúng vào đêm ngày 3 tháng 4 năm ấy, Trần Cảnh một mình lặng lẽ cải trang, lên ngựa bỏ trốn ra khỏi kinh thành. Lúc đầu, ông cũng chưa có ý nghĩ là sẽ đi đến đâu, chỉ thấy cần phải nhanh chóng thoát ra khỏi chốn hoàng cung, nơi đang vò xé lòng ông, khiến ông thành con người bất nhân bất nghĩa... Ông đi như vậy suốt đêm, chẳng biết là đã qua được mấy chục dặm đường. Càng xa được kinh thành, ông càng yên tâm hơn. Và cuối cùng nơi nhà vua dừng chân là núi Yên Tử, nơi có người bạn vong niên của ông đang tu luyện. Người này là sư cụ Phù Vân, hơn tuổi Trần Cảnh, và thông thạo sách vở Kinh Phật. Trước đây, Trần Thái Tông đã từng nghĩ ý mời sư cụ Phù Vân làm Quốc sư. Sư cụ nhận lời nhưng chỉ xin được giúp đỡ nhà vua và triều đình về giáo lý của đạo Phật, chứ không chịu can thiệp đến việc đời. Chiều ngày 4 tháng 4, nhà vua đã đến Yên Tử. Phút giây gặp gỡ đầu tiên, Trần Cảnh chưa nói gì đến tình hình xảy ra ở chốn cung đình, mà chỉ tỏ lòng mộ đạo của mình mà thôi. Nhà sư hỏi ông (1):

- Lão tăng ở nơi sơn dã đã lâu, xương gày mặt võ, ăn rau đắng, ném trái cây, chơi cảnh rừng, uống nước suối, lòng như mây nổi, theo gió đến đây. Nay bệ hạ bỏ ngôi lớn, tìm sự nghèo hèn nơi rừng núi, chẳng hay bệ hạ muốn cầu điều gì mà đến chốn này?

Nỗi lòng của mình chưa được thổ lộ, Trần Cảnh chỉ đáp:

- Trẫm đương trẻ thơ, mẹ cha vội mất, chơ vơ đứng trên dân chúng, không chỗ nương tựa, lại nghĩ sự nghiệp các đế vương thuở trước, thay đổi bất thường, cho nên tìm đến núi này, chỉ muốn được thành Phật, chứ không cần gì khác.

Nhà sư đáp lại:

- Trong núi vốn không có Phật. Phật ở ngay trong lòng. Lòng lặng lẽ mà hiểu, đó chính là chân Phật. Nay nếu bệ hạ giác ngộ điều đó thì lập tức thành Phật, mà không cần khổ công tìm kiếm ở ngoài.

Chuyện trao đổi chỉ có vậy, nhưng Trần Cảnh đã quyết tâm ở Yên Tử. Trái lại nhà sư Phù Vân thì bần khoản. Ông kín đáo cho người về kinh thành để dò la tin tức và báo tin cho triều đình biết.

Việc Trần Cảnh bí mật trốn đi, Trần Thủ Độ rất lo lắng. Rất may là nhóm sư tiểu của Quốc sư Phù Vân đã sớm cho ông hay Trần Cảnh đã lên núi Yên Tử. Lập tức Thủ Độ dẫn các quan trong triều cùng nhiều tướng lĩnh đến núi mời nhà vua quay trở về. Trần Cảnh mắt nhắm nhắm, ôn tồn nói với các quan:

*"Trẫm còn trẻ tuổi, chưa có gì đáng nói việc nặng nề, phụ hoàng đã vội lìa bỏ, sớm mất chỗ trông cậy, không dám ở ngôi vua mà làm nhục xã tắc". Thủ Độ cố nài xin hai ba lần, vua vẫn chưa nghe. Thủ Độ bèn bảo mọi người rằng: "Xa giá ở đâu tức là triều đình ở đấy". Bèn cấm nêu trong núi, chỗ này làm điện Thiên An, chỗ kia làm các Đuan Minh, sai người xây dựng. Quốc sư nghe thấy thế tâu rằng: "Bệ hạ nên gấp về Kinh sư, chớ để làm hại núi rừng của đệ tử". Vua bèn về Kinh" (2)*

Lúc này, quân của Trần Liễu vẫn đang phá phách ở ngoại đô. Trần Thủ Độ cho đàn áp rất kịch liệt. Xem chừng không sao chống nổi. Trần Liễu chờ lúc Trần Cảnh đang đi thuyền sang một bến phía sông Hồng, liền tìm đến để cầu xin em che chở, vì Trần Liễu cũng hiểu tấm lòng của người em làm vua, thấy rõ Trần Cảnh cũng chỉ do bị sức ép gây ra. Hai anh em ôm nhau mà khóc. Được tin, Trần Thủ Độ đến thẳng thuyền vua, rút gươm thét to rằng:

- Giết chết tên giặc Liễu!

Trần Cảnh vội vàng đẩy Trần Liễu vào trong thuyền, đứng ra lấy thân mình che đỡ cho anh, rồi bảo với Thủ Độ:

- Phụng Càn Vương (là hiệu cũ của Trần Liễu về thời nhà Lý) đến hàng đó thôi!

Trước tình cảnh này, Trần Thủ Độ tức lắm, ném thanh gươm xuống sông nói:

- Ta chỉ là con chó săn thôi, biết đâu anh em nhà ngươi thuận nghịch thế nào?

Vua nói giải hòa, rồi bảo Thủ Độ rút quân về. Vua giữ Trần Liễu bên mình, bảo vệ an toàn cho về nơi cung thất, và sáng hôm sau, ông xuống chiếu lấy vùng đất An Sinh (ở tỉnh Quảng Ninh bây giờ) ban cho Trần Liễu làm ấp Thang Mộc, cho đem thuộc hạ ra đó sinh cơ lập nghiệp. Sau này, người ta gọi Trần Liễu là

An Sinh Vương. Trần Liễu sinh được nhiều con, nổi đời ở đất này. Một trong những người con của ông đã trở thành anh hùng dân tộc. Đó là Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Còn người con đầu, do bà Thuận Thiên sinh ra - vốn là con Trần Liễu - đặt tên Trần Quốc Khang, được coi là con của Trần Cảnh. Trần Quốc Khang là một người nhân hậu, anh em đoàn kết.

Trở lại với ngai vàng, Trần Thái Tông tập trung trí tuệ và sức lực cho công việc giữ nước và dựng nước. Với tinh thần chiến đấu của tuổi trẻ, ông hăng hái cầm quân ra trận. Trận chiến đầu tiên do ông chỉ huy là trận đánh ở biên giới Việt - Trung. Được tin bọn tù trưởng Man hay quấy nhiễu, vua Trần Thái Tông đã sai Phạm Kính Ân lên dẹp yên vào năm 1240. Nhưng rồi cũng không yên tâm, ông thân hành cầm quân, tiến lên các trại Vĩnh An, Vĩnh Bình, giáp giới vùng Móng Cái (Quảng Ninh) và Lộc Bình (Lạng Sơn). Có lần ông tiến thẳng sang các châu Khâm, châu Liêm bằng thủy quân, dùng thuyền nhẹ tiến vào thị uy rồi quay trở về. Bọn quân lính nhà Tống ở bên kia đều sợ hãi chạy trốn. Thị uy xong ở phương Bắc, ông lại chú ý đến phương Nam. Năm 1252, vua thân chinh đi đánh Chiêm Thành, bắt được cả vợ con vua nước ấy.



Ảnh minh họa (sưu tầm)

Cuối năm 1257, ở phía Bắc quân Nguyên Mông bắt đầu đưa quân xâm lấn nước ta, vua Trần Thái Tông đã trực tiếp ra trận, đánh nhau với tên tướng giặc Nguyên là Ngột Lương Hợp Thai (U-ri-ang Kha-đai) trong một tình thế rất gay go, ác liệt. Đó là trận Bình Lệ Nguyên lịch sử.

Ở phương Bắc, lúc đó có một bộ tộc ở vùng thảo nguyên châu Á, sau nửa thế kỷ đi chinh phục, Mông Cổ đã trở thành một đế quốc rộng lớn có lãnh thổ nằm vắt ngang từ châu Á đến châu Âu. Tham vọng bành trướng của quân Mông Cổ vẫn không chịu dừng. Sau khi chiếm được nước Đại Lý (vùng Vân Nam, Trung Quốc

ngày nay), năm 1257 chúa Mông Cổ là Mông Ke quyết định mở cuộc tiến công tiêu diệt nước Tống (ở nam Trung Quốc) giáp với biên giới nước ta.

Để thực hiện thành công kế hoạch này, Mông Ke chia quân tiến công vào nước Tống theo nhiều hướng. Mông Ke thân dẫn đại quân tiến vào theo đường Tứ Xuyên. Cánh quân dưới quyền chỉ huy của Hốt Tất Liệt vượt Trường Giang đánh chiếm châu Ngạc (Vũ Xương - Hồ Bắc). Một cánh quân khác do Tô Ga Tra chỉ huy tiến đánh mạn hạ lưu Trường Giang. Tướng Ngột Lương Hợp Thai (U-ri-ang Kha-đai) đang ở Đại Lý được lệnh đem quân đánh xuống Đại Việt, từ đó đánh vào Ung Châu (Nam Ninh, Quảng Tây), châu Quế (Quế Lâm, Quảng Tây) tiến lên gặp các cánh quân kia ở châu Ngạc. Cánh quân này sẽ là một mũi dao đâm vào sau lưng Tống.

Đại Việt, một địa bàn nằm phía nam nước Tống đã trở thành đối tượng và có một vị trí hết sức quan trọng nằm trong kế hoạch bành trướng xuống phương Nam của quân Mông Cổ. Chiếm được Đại Việt chúng không chỉ có thêm một mũi vu hồi đánh vào nước Tống, mà nơi đây sẽ trở thành bàn đạp để chế Mông Cổ mở các cuộc viễn chinh tràn xuống các quốc gia ở Đông Nam Á.

Trận Bình Lệ Nguyên ngày 17/1/1258 là trận phòng ngự của quân đội nhà Trần do vua Trần Thái Tông và tướng Lê Tần chỉ huy nhằm ngăn chặn bước tiến của quân Mông Cổ tại Bình Lệ Nguyên (nay thuộc huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc) trong giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ nhất (1258). Với kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh, sau khi hội quân ở Việt Trì, các cánh quân Mông Cổ ồ ạt tiến đánh xuống Bình Lệ Nguyên, kết hợp bộ binh và kỵ binh triển khai bao vây từ nhiều hướng định tiêu diệt và bắt sống vua quan nhà Trần.

Dựa vào thế trận phòng ngự và cách đánh cơ động trên sông nước, quân đội nhà Trần đã chống trả quyết liệt, gây cho quân Mông Cổ nhiều thiệt hại. Sau đó theo kế hoạch của tướng Lê Tần rút về Phù Lỗ lập tuyến phòng ngự mới tiếp tục chặn địch. Đây là trận đánh lớn đầu tiên của quân dân Đại Việt chống quân Mông Cổ, biết rút lui đúng lúc, tránh thế mạnh ban đầu của địch để bảo toàn lực lượng tiếp tục kháng chiến giành thắng lợi.

Bình Lệ Nguyên - trận đánh lớn đầu tiên của quân dân Đại Việt với quân Mông Cổ đã giúp bộ thống soái triều đình nhà Trần có được những kinh nghiệm quý về nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh trong toàn bộ cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII.

Ngày 29 tháng 1 năm 1258, vua Trần Thái Tông cùng Thái tử Trần Hoảng đã chỉ huy quân đội nhà Trần đánh tan đạo quân xâm lược Mông Cổ tại Đông Bộ Đầu,

giải phóng Thăng Long. Đây là trận phản công chiến lược của quân Trần tại Đông Bộ Đầu (khu vực gần cầu Long Biên, Hà Nội ngày nay), kết thúc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ nhất. Ngày 29/1/1258, vua Trần Thái Tông đem thủy binh từ Thiên Mạc (nay thuộc Hà Nam) ngược sông Hồng, phối hợp với lực lượng tại chỗ vây đánh địch ở Thăng Long, tạo thế áp đảo từ bốn hướng bất ngờ tiến công Đông Bộ Đầu, làm toàn bộ quân Mông Cổ ở Thăng Long bị thiệt hại nặng phải rút chạy. Năm vững thời cơ, chọn hướng tiến công đúng, dùng thủy binh để hạn chế ưu thế của kỵ binh địch là nét đặc sắc của trận Đông Bộ Đầu.

Chiến thắng của dân tộc ta thời Trần (1258) là thắng lợi hiển hách đầu tiên của những nước bị đế quốc Mông Cổ xâm lược. Đây là thất bại đầu tiên của đế quốc Mông Cổ trong cuộc trường chinh chiếm gần 50 nước chưa gặp phải thất bại nào. Quân giặc đánh đâu thắng đấy, nếu đánh một lần chưa được thì đánh liên tiếp lần khác cho tới khi giành được thắng lợi. Vậy mà đối với Đại Việt sau lần đại bại này (1258), giặc Nguyên Mông phải chùn bước, mãi gần 30 năm sau chúng mới dám mở cuộc xâm lược lần thứ hai (1285). Thắng lợi đó đã khẳng định chân lý một nước nhỏ anh dũng và thông minh, biết đoàn kết các tầng lớp nhân dân, đoàn kết các dân tộc hoàn toàn có khả năng đánh bại cuộc xâm lược của một đế quốc hùng mạnh.

Mùa xuân năm Mậu Ngọ (1258), vua Trần Thái Tông nhường ngôi cho Thái tử Trần Hoảng, còn mình là Thượng hoàng. Thái tử Trần Hoảng sinh năm 1240 lên nối ngôi lấy hiệu là Thánh Tông. Chế độ vừa có vua, vừa có Thượng hoàng của nhà Trần bắt đầu từ đây. Tuy đã là Thượng hoàng song Thái Tông vẫn cùng con trị vì đất nước. Suốt hai mươi năm, ông luôn dìu dắt con, điều hành các công việc nội trị, ngoại giao một cách có kết quả.

Trần Thái Tông rất quan tâm đến việc tổ chức chính quyền. Ông chia nước thành các lộ, đặt các đạo quân thủy bộ, cấm vệ, phòng vệ rất nghiêm minh. Ông ra lệnh cho làm các sổ đinh, sổ điền để nắm vững dân số, quân số và tình hình ruộng đất. Không những thế, nhà vua còn rất quan tâm đến việc đắp đê phòng lụt, lệnh cho các lộ phải đắp đê từ đầu nguồn đến bờ biển, gọi là đê quai vạc (hoặc đê quai xanh), có đặt chức Hà đê Chánh phó sứ để quản đốc. Việc đắp đê quai vạc bắt đầu từ đây.

Nhà vua đặc biệt chú ý đến các sinh hoạt ca múa, lễ hội..., xây dựng các công trình, nhưng lại biết liệu chừng để tránh sự xa hoa lãng phí. Kinh đô Thăng Long được tô điểm cho thêm phần ngoạn mục. Nhà vua cho làm cầu Long Ba ở chùa Chân Giáo, qua hồ Ngoạn Thiềm, đến quán Thái Thanh, rồi cung Cảnh Lịch, phong cảnh cực kỳ tráng lệ. Vua thường cho mở hội lớn để cho dân chúng cùng



vui với các quan lại. Nhà vua ban lệnh quy định các loại mũ áo, xe kiệu cho các chức quan, khiến cho quang cảnh kinh đô có phần bề thế và trật tự. Vua thường hay ra phố vi hành để tìm hiểu đời sống của các tầng lớp bách tính. Tương truyền, có lần vua đi chơi xem các đám thanh niên tay không đánh nhau, thi tài ngay ở trên đường phố, vua cho gọi lại định đưa vào cung sai bảo thì người đó chạy trốn mất. Té ra đó là một trong những hoàng tử của nhà vua.

Có một điều mà lịch sử đáng ghi nhớ, là tất cả những hoàng tử con cháu vua Trần Thái Tông sinh ra, trước sau đều là những nhân tài kiệt xuất của đất nước. Người con đầu là Quốc Khang (vốn là con của Trần Liễu) được sai vào đất Diễn Châu. Quốc Khang đã làm cho vùng đất phía Nam này trở thành một vùng thịnh vượng. Những người con khác như Trần Hoảng, sau này là vua Trần Thánh Tông, hoàng tử thứ ba là Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải - một nhà thơ, vừa là một viên tướng tài giỏi. Rồi đến Trần Nhật Duật, người có công lớn trong việc chỉ huy quân Trần đánh thắng giặc Nguyên, từng được phong Thái úy Quốc công.

Trần Nhật Duật nổi tiếng là người hiểu biết sâu rộng. Ngoài ra còn người con nữa cũng rất có tài, nhưng trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược phương Bắc đã bỏ nước sang đầu hàng nhà Nguyên, và bị Trần Hoảng sau này lên án, gọi một cách khinh miệt là Ỉ Trần! Đó là Trần Ích Tắc. Song Ích Tắc cũng là một học giả tinh thông. Sang Trung Quốc cầu vinh, ông ta cũng đã sinh ra một con trai có tài năng đặc biệt, nổi dậy lập giang sơn riêng chống lại Chu Nguyên Chương (Minh Thái Tổ). Người đó có tên là Trần Hữu Lượng.

Không những trong hoàng tộc có những người con xuất sắc như thế, mà trong hàng ngũ các quan lại, nho sĩ dưới triều vua Trần Thái Tông cũng xuất hiện nhiều nhân tài. Năm 1247, lần đầu tiên nhà vua cho đặt bậc Tam khôi chọn được ba người rất trẻ: Trạng nguyên Nguyễn Hiền, Bảng nhãn Lê Văn Hưu và Thám hoa Đặng Ma La. Tiếp đó lại mở kỳ thi Tam giáo, Ngô Tân (Giáp khoa), Đào Diễm, Hoàng Hoan, Vũ Vị Phủ (Ất khoa) là những người đã đỗ cao trong kỳ thi này. Ít năm sau, lại có sáng kiến đặt ra Kinh Trạng nguyên (người đỗ là Trần Quốc Lặc) và Trại Trạng nguyên (người đỗ là Trương Xán) và Bảng nhãn Chu Hinh, Thám hoa Trần Uyên. Nhiều người đạt học vị Thái học sinh. Vua Trần Thái Tông còn cho lập Quốc học Viện, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Mạnh Tử, xuống chiếu cho các Nho sĩ trong nước học tập Tứ thư, Ngũ kinh. Đề cao văn, song cũng không xem nhẹ việc võ. Tháng 8 năm 1247, vua đã chính thức cho lập Giảng Võ Đường.

Trần Thái Tông đã thực sự trở thành vị vua anh hùng của dân tộc. Không những thế, vua Trần Thái Tông còn được sử sách lưu truyền bởi ông là một nhà Thiên

học, một triết gia có những tư tưởng sâu sắc, một cốt cách độc đáo, là tác giả Khóa hư lục (Tập bài giảng về lẽ hư vô - một cuốn sách xa nhất hiện còn lưu giữ trong kho thư tịch cổ ở nước ta). Nội dung ban đầu của nó là một tập luận thuyết mang một chủ đề nhất quán là giảng giải về lẽ "sắc không", chẳng hạn các chương Tứ sơn kệ (Kệ bốn núi), Phổ thuyết sắc thân (Nói rộng về sắc thân)... phân tích sâu sắc các quan niệm về đạo Phật. Khóa hư lục chủ yếu làm sáng tỏ cái bản tính (chân như), cái thiện căn của con người, qua đó khuyến khích người ta thực hiện được sự kiến tính tại tâm theo tinh thần hòa hợp tam giáo.

Thơ ông được nhà phê bình Phan Huy Chú sau này (thế kỷ XIX) khen là thanh nhã, đáng đọc. Nhưng đặc biệt, vua Trần Thái Tông còn xứng đáng là một tác giả trong dòng văn học Phật giáo ở Việt Nam. Ông là tác giả bài Thiên tông chỉ nam ca (Bài ca về yếu chỉ của Thiên tông) nay còn lại độc nhất một bài tựa; có Lục thì sám hối khoa nghi (Nghi thức sám hối cho sáu thời khắc trong một ngày) gồm những bài văn (khải bạch) và thơ (kệ) dùng để tụng niệm cho sáu khoảng thời gian khác nhau trong một ngày của người tu trì.

Ông còn viết lời tựa cho cuốn Kinh Kim cương và cho bài ca của mình. Trong lời tựa Kinh Kim cương, ông đã nêu rất rõ sự chăm chú của ông đối với kinh điển đạo Phật, và đồng thời cũng nói rõ là bản thân mình rất cầu học, rất muốn nêu gương cho các đệ tử đời sau. Có thể trích ra đây một đoạn để thấy được tinh thần ấy:

*"Trẫm lượng đức chủ trì ngôi báu, dãi trước sau chẵn dất muôn dân. Từng lo vất vả, chẳng ngại sớm hôm. Tuy một ngày trăm việc, cũng trộm lúc rảnh rang. Chăm việc tiếc giờ, học càng tăng tiến. Một chữ đĩnh lo chưa biết đến, đêm canh hai còn gắng tìm xem. Đã duyệt phần điền Khổng Khâu, lại xét kinh sách đạo Thích. Kinh này vừa gặp, trăm câu đã sinh, sâu kín mối manh, suy đi nghĩ lại. Nhấm nháp mùi nghĩa lý, thu thập vẻ văn hoa. Làm rõ ràng lời nói Thánh nhân, để giúp ích nhiều hậu học. Lạm đem chính kiến thức văn báo hẹp hòi, hầu mở mang tâm trí vượn đàn giận ngọc. Do đó rộng tỏ cõi lòng, tự thân chú giải. Dò nghĩa thẳng ở Long cung, tìm lời hay nơi Thiếu lĩnh. Khơi giọt nước ở tận nguồn Chính giác, đắp bụi sa nơi cửa ngõ Chân như. Phát huy ý chỉ, rộng mở chân tông. Khiến cho vừa thoáng xem văn, đã hiểu rõ ràng nghĩa lý. Phá giậu phen bèn vững của bọn tà, làm mẫu mực lẽ nghi cho môn đệ..."*.(3)

Trần Thái Tông còn đề tựa văn Bình đẳng lễ sám (Lễ sám hối để đạt đến chỗ không câu chấp), viết một số bài bình luận về tọa Thiền, việc niệm Phật và một số bài răn về tửu, sắc...

Qua các tác phẩm Phật giáo của mình, Trần Thái Tông nổi bật ở tư cách một người hành đạo, một người tuyên truyền cho một giáo chỉ bằng những hình thức tư duy cụ thể và sinh động. tác giả không bị sa vào chủ nghĩa bi quan yếm thế, cũng không bị lạc trong ngõ ngách của một chủ nghĩa hư vô, siêu hình. Những chương tưởng chừng nặng màu sắc bi quan và hư vô nhất như Phổ thuyết sắc thân, Tứ sơn kệ... hóa ra lại sáng sủa, thể hiện một cách nhận thức giản dị về mọi nỗi khổ có thực ở đời, về cái ngăn ngại có thực của đời người.

Trần Thái Tông kêu gọi người ta tu hành để diệt "*khô*" nhưng không phải là bỏ mặc cuộc đời mà đi tu, mà chủ yếu giữ cho lòng yên tĩnh, tức "*tu tâm*" vì "*lòng lặng lẽ mà giác ngộ đó mới là Phật thực*" (Thiền tông chỉ nam tự - Tựa Yếu chỉ của Thiền tông). Ngoài hình thức "*tu tâm*", Trần Thái Tông cũng đề cập đến những hình thức thông tục hơn như giữ gìn giới hạnh hàng ngày: về rượu, về sắc, về ăn nói nông cạn... Đó là hình thức tiếp nhận Phật giáo thích hợp với đông đảo các tầng lớp ở địa vị thấp trong xã hội có chiều hướng đánh giá mọi sự vật một cách thực tiễn. Nhưng ngay trong những lời răn tưởng chừng thông tục như trên, Trần Thái Tông dụng ý nhắc nhở rằng nghiện rượu có thể làm "*tan nhà mất nước*", và mê sắc thì "*phong giáo đắm chìm*". Thật khó nói đây là lời cảnh tỉnh của người tu hành hay là lời khuyên muôn dân đừng quên chăm lo xã tắc.

Các tác phẩm Phật học của Trần Thái Tông còn rất giàu giá trị văn chương. Trần Thái Tông trình bày các kiến giải của nhà Phật không phải dưới dạng luận thuyết khô khan mà bằng những đoạn văn biên ngẫu rėjo rất, đối xứng và phong phú hình ảnh...

Trần Thái Tông còn để lại hai bài thơ, một bài tiến sớ và một bài để tặng một vị Thiền sư. Ngoài ra ông còn có nhiều bài thơ khác dưới hình thức lời kệ. Phong cách thơ của ông trang nhã nhưng cũng thay đổi theo chủ đề và đề tài.

Trần Thái Tông đã nêu lên tấm gương nhập thế vì lợi ích của nước của dân và để lại quan điểm Thiền học vừa thâm trầm vừa khoáng đạt cho cháu đích tôn của mình là vua Trần Nhân Tông sau này. Ông đã có một địa vị và ảnh hưởng rõ rệt trong đời sống Phật giáo thời Lý - Trần, mặc dầu ông không phải là người mở đầu cho Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

Vua Trần Thái Tông trị vì được 33 năm, làm Thái thượng hoàng 19 năm, mất năm Đinh Sửu (1277), tại phủ Thiên Trường, thọ 60 tuổi.

Trần Thái Tông không chỉ là vị vua đầu tiên của nhà Trần mà còn là một vị vua anh hùng cứu nước, lúc làm vua thì thân làm tướng đi đánh giặc "*xông vào mũi tên ngọn giáo*" không sợ hiểm nguy, làm vua nhưng xem thường vinh hoa phú quý, có thể từ bỏ ngai vàng không chút luyến tiếc, đắn đo.

Ông còn là một nhà Thiền học uyên thâm. Trần Thái Tông là gương mặt văn hóa đẹp và lạ đến khác thường trong lịch sử Việt Nam.

Tác giả: **Đặng Việt Thủy**

*Đường Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội*

\*\*\*

### **Chú thích**

(1) Các chi tiết về cuộc đàm thoại này được Trần Thái Tông thuật lại rõ ràng trong bài tựa cuốn Thiền Tông chỉ nam. Bản dịch của Trần Thị Băng Thanh.

(2) Đại Việt sử ký toàn thư, tập II, Nxb Khoa học xã hội, H. 1971, tr. 15.

(3) Theo bản dịch trong sách Thơ văn Lý - Trần, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, H. 1988, tr. 34.

### **Tài liệu tham khảo**

Đại Việt sử ký toàn thư, Tập II, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội - 1971.

Đặng Việt Thủy, 10 vị Hoàng đế Việt Nam tiêu biểu, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội - 2011.

Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (Chủ biên) Từ điển Văn học, Bộ mới, Nxb Thế giới, Hà Nội - 2004.

Bộ Quốc phòng - Trung tâm từ điển bách khoa quân sự, Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội - 2004.